

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Bản án số: 176/2017/HSST
Ngày 24-7-2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thắng Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2017/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/HSST-QĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Thôn 15, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2013; bị cáo có 05 chị em, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bị hại: Ông Lê Văn N, sinh năm 1977; thường trú: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957; thường trú: Thôn 15, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1981; thường trú: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1983; thường trú: 5/D10, đường 10, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Ông Lê Văn D, sinh năm 1986; thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 15/9/2016, Nguyễn Văn L đi đến khu vực phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Khi L đi đến khu dân cư P thuộc khu phố Đ, phường T, thị xã Dĩ An nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Future biển số 36B5-116.13 của ông Lê Văn N dựng trước một ngôi nhà đang xây dựng, xung quanh không có người trông coi. L đi bộ vào tiếp cận và dùng đoạn phá ổ khóa của xe, nhưng do xe có cài khóa cảm biến chống trộm phát ra tiếng còi hú nên những người xung quanh phát hiện đuổi theo L khoảng 200m và bắt được L cùng tang vật.

Theo kết luận định giá số 212/BB.ĐG ngày 26/9/2016 của Hội đồng định giá thị xã D kết luận: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là một xe mô tô hiệu Honda Future biển số 36B5-116.13 trị giá 26.500.000 đồng đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 211/BB.ĐG ngày 26/9/2016 của Hội đồng định giá thị xã D nêu trên.

Tại cáo trạng số 02/QĐ - KSĐT ngày 15 tháng 02 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 18 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án từ 10 tháng đến 15 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại và những người làm chứng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 15/9/2016, Nguyễn Văn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt một xe mô tô hiệu Honda Future biển số 36B5-116.13 của người bị hại Lê Văn N, tài sản bị chiếm đoạt trị giá 26.500.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo Nguyễn Văn L chiếm đoạt tài sản của người bị hại có giá trị 26.500.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Nguyễn Văn L thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn L không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 18 Bộ luật Hình sự nên cũng cần xem xét tình tiết này cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn L là người lao động chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân xấu, vào ngày 26/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 19/01/2014 bị Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại cơ quan điều tra người bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt 15 tháng tù tại Bản án số 11/2017/HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp theo quy định tại Khoản 1, 2 điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản (Chưa đạt).

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 18, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 15 (Mười lăm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 15 (Mười lăm) tháng tù tại Bản án số 11/2017/HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2017.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã D (01);
- Công an thị xã D (03);
- Chi cục THA thị xã D (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND xã P, huyện A, T.Nghệ An (01);
- THA hình sự (04);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nguyệt Ánh